

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC, TP. HÀ NỘI**

Bản án số: 44/2022/HS-ST

Ngày: 08/7/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC, TP. HÀ NỘI

- T phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mạnh Nhanh

. Ông Nguyễn T Bộ

- T1 ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh – T1 ký tòa án

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức T phố Hà Nội tham gia phiên
tòa:* Bà Trần Thị Nhâm - Kiểm sát viên .

Trong các ngày từ ngày 01/7/2022 đến ngày 08/7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, T phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức đối với các bị cáo:

1-Họ và tên: Nguyễn Văn N - Sinh năm 1991; sinh trú quán: Thôn Đ, xã A, huyện M, TP Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; họ tên bố: Nguyễn Văn U - sinh năm 1963; họ tên mẹ: Nguyễn Thị Đ - Sinh năm 1965; vợ: Nguyễn Thị H- sinh năm 1990; con: có 3 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, Tiền sự : không; nhân thân: Ngày 24/11/2011, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm ra quyết định khởi tố vụ án hình sự số 02, quyết định khởi tố bị can số 25 về tội: Cố ý gây Tlương tích. Ngày 27/12/2011, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm ra quyết định đình chỉ điều tra bị can số 05, không có tài liệu về việc xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/03/2022, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 6/5/2022; hiện đang tại ngoại tại địa phương.

2- Nguyễn Trọng C- sinh năm 1993; sinh trú quán: Thôn K, xã A, huyện M, TP Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; họ tên bố: Nguyễn Trọng C - sinh năm 1969; họ tên mẹ: Nguyễn Thị T - Sinh năm 1971; vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 14/9/2018 bị TAND huyện Mỹ Đức xử phạt 6 tháng tù cho hưởng án treo về tội: Trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong; Ngày 10/5/2021, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức ra quyết định áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng chưa chấp hành.

Ngày 4/5/2019 bị Công an huyện Mỹ Đức xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/03/2022, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam số 02- Công an T phố Hà Nội.

3-Bạch Thế S- sinh năm 1992; sinh trú quán: Thôn Đ, xã A, huyện M, TP Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; họ tên bố: Bạch Văn B - đã chết; họ tên mẹ: Nguyễn Thị K - Sinh năm 1970; vợ, con: Chưa; Tiền án: không; tiền sự: Ngày 9/9/2021 bị Công an huyện Mỹ Đức xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; nhân thân: Ngày 29/10/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc 24 tháng; Ngày 7/5/2014 bị Công an quận Thanh Xuân xử phạt hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy;

Bị cáo hiện đang thi hành cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện số 1 TP Hà Nội.

4- Nguyễn Hữu T - sinh năm 1994; sinh trú quán: Thôn Đ, xã A, huyện M, TP Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; họ tên bố: Nguyễn Hữu G - sinh năm 1952; họ tên mẹ: Hoàng Thị L - Sinh năm 1954; vợ: không; con: có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: + Ngày 9/9/2011, bị công an huyện Mỹ Đức xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây T1ơng tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Đã chấp hành xong; Ngày 28/11/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức tuyên phạt 15 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 5/4/2022, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 4/5/2022, hiện đang tại ngoại tại địa phương.

Người bị hại:

Anh Nguyễn Xuân T; sinh năm 1993

Trú tại: Thôn K, xã A, huyện M, Tp. Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện M, TP. Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện M, TP Hà Nội.

- Bà Trương Thị T; sinh năm 1965 (mẹ đẻ của anh T

Địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện M, TP Hà Nội.

Tại phiên tòa: Các bị cáo có mặt, người bị hại xin vắng mặt ngày tuyên án, người liên quan là anh Tuấn xin vắng mặt, bà T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 19/02/2019, anh Nguyễn Xuân T vay của Nguyễn Văn N số tiền là 200.000.000 đồng. Ngày 24/10/2019, N đã được bà Trương Thị T- sinh năm 1965 là mẹ đẻ của anh T trả đầy đủ số tiền trên. N cam kết không còn liên quan gì đến tiền của gia đình bà T nữa, không đòi tiền hay làm ảnh hưởng Nguyễn Xuân T. Tuy nhiên Nguyễn Văn N cho rằng anh T vẫn nợ mình tiền lãi nên đã thỏa thuận với Nguyễn Trọng C là nếu gặp T thì báo cho N biết để N đến đòi, nếu đòi được N sẽ cho C vài triệu.

Ngày 29/5/2021, anh T được nghỉ phép về nhà, đến ngày 03/6/2021 hết phép phải về đơn vị. T có nợ của Nguyễn Văn A- sinh năm 1989, thôn K, A số tiền 16.500.000 đồng nên đã liên hệ với A để trả tiền. Do Nguyễn Văn A đi vắng nên đã nhờ Th đưa tiền qua Nguyễn Trọng C.

Khoảng 20h ngày 03/6/2021, anh T trên đường về đơn vị đã liên hệ với C qua điện thoại hẹn gặp nhau ở ngã tư Kinh Đào. Khi gặp nhau T mời C vào quán uống nước nói chuyện nhưng C từ chối và rủ xuống nhà S ở Đoàn Nữ uống nước. T đồng ý cùng đi. Khi đến nơi S không có nhà, C bảo anh T ngồi chờ. Trong lúc đang ngồi tại phòng khách anh T thấy điện thoại 1280 của C để ở trên bàn có tin nhắn đến với nội dung “thằng T nó đã đến chưa”, anh T xem các nội dung tin nhắn trước đó N nhắn tin đến “Mày mà bảo được nó đến đây, lấy được tiền nó anh cho mày 5.000.000 đồng” C nhắn cho N với nội dung “Thằng T nó vay được tiền đấy, nó còn có tiền trả cả Quỳnh A”. Anh T đọc được tin nhắn nghĩ mình bị lừa đến nhà S nên đã ra xe, đội mũ bảo hiểm, nổ máy xe định đi ra cổng thì C về chặn trước đầu xe, rút chìa khóa của anh T và bảo “mày đã trả tiền đâu mà đi”. Anh T trả lời “tao đi có việc của tao, tí tao chuyển khoản trả cho anh A cũng được” thì C đâm anh T một cái trứng vào mũ bảo hiểm và đẩy anh T cùng xe máy ngã ra sân. Anh T đứng dậy cởi mũ bảo hiểm và chửi C, cùng lúc đó S về dựng xe máy và dắt vào sân cho anh T bảo “Có gì thì vào trong nhà nói chuyện”. C rút chìa khóa xe máy và đi vào nhà, anh T đi theo đòi lại chìa khóa xe nhưng C không đưa và bảo “vào đây nói chuyện, đã đưa tiền cho Quỳnh A đâu mà đi”. Anh T nói là đã gọi điện cho Quỳnh A và sẽ tự cầm tiền lên đưa cho Quỳnh A, C không đồng ý. Lúc này Nguyễn Hữu T đi từ ngoài vào nhà S, anh T gọi điện thoại cho Quỳnh A bảo đưa tiền nợ trả cho C thì Nguyễn Văn N cũng đi từ ngoài vào nhà S. Anh T thấy N đến và thấy cửa cổng đã khép lại nên đứng dậy định đi ra ngoài thì N vỗ vai anh T bảo “ngồi xuống đây nói chuyện”, N yêu cầu anh T trả số tiền lãi là 50.000.000 đồng của số tiền đã vay năm 2019, anh T nói số tiền trên gia đình đã thanh toán đầy đủ và thỏa thuận không còn liên quan gì nữa nhưng N vẫn yêu cầu phải trả thêm 50.000.000 đồng. Anh T nói sau này có tiền em sẽ hỗ trợ anh sau thì N nói với mọi người là “nó nói như thế các chú nghe được không”, T bảo “ông nói như thế tôi cũng không nghe được”, anh T nói “các ông biết gì mà nói” thì T chửi anh T và bảo nói bé thôi. N nói với anh T “hôm nay phải thanh toán cho anh năm mươi triệu thì mày muốn đi đâu, trả ai thì trả”. Nghe vậy anh T nói sẽ trả C số tiền 10.000.000 đồng và N số tiền 10.000.000 đồng thì C túm tóc của anh T và bảo “tiền của anh Quỳnh A mày phải đưa đủ trong hôm nay”. N tóm tay C bảo bỏ ra và nói với anh T là không phải 10.000.000 đồng mà là 50.000.000 đồng. Anh T nói “để em giải quyết chỗ anh Quỳnh A đã” và bỏ ví ra đếm số tiền 16.500.000 đồng cho C. C nhận tiền và lấy xe đi luôn. Anh T nói với N “em không có tiền để đưa cho anh 50.000.000 đồng đâu, đúng một tháng nữa em xoay được thì em trả anh sau, giờ em phải có mặt tại đơn vị” N nhất quyết không đồng ý và bảo “chú làm như thế không được đâu, chú phải gửi đủ cho anh”, T cũng nói “mày có tiền trả cho người khác mà mày không có tiền trả cho anh N như thế mà nghe được à”. Lúc đó C đi xe máy quay lại, anh T nói “em không còn tiền đâu để đưa cho anh” thì C nói “trong tài khoản của nó còn tiền đấy”. N yêu cầu anh T mở điện thoại lên xem trong tài khoản của anh T có bao nhiêu tiền. Thấy trong tài khoản của anh T còn số tiền hơn 6.000.000 đồng thì N yêu cầu anh T chuyển vào tài khoản của N số tiền là 5.000.000 đồng. N cho số tài khoản của

N để anh T chuyển khoản số tiền 5.000.000đồng. N thấy anh T dùng điện thoại Iphone XS Max nên đã nói “... Nếu chưa có tiền thì để điện thoại lại đây cũng được, trong ba ngày tới chú trả lại anh 20.000.000 đồng thì anh trả lại chú điện thoại, quá ba ngày mà không đưa anh tiền thì coi như là mất và chú viết cho anh cái giấy vay nợ anh 30.000.000 đồng nữa”. Anh T từ chối vì lý do điện thoại còn liên quan đến nhiều công việc nhưng N không đồng ý và cương quyết giữ điện thoại, đồng thời bảo Song lấy giấy bút để anh T viết giấy vay nợ của N, nội dung là để mua xe máy với số tiền là 30.000.000 đồng. Anh T chấp nhận và tự viết lên số tiền vay là 50.000.000 đồng để xin được lấy lại điện thoại nhưng N vẫn không đồng ý giao lại. T viết xong N bảo T và Song ký vào người làm chứng rồi yêu cầu anh T tháo sim máy ra để đưa máy cho N. Anh T bảo nếu đưa điện thoại cho N thì không có máy dùng, N bảo T về nhà N lấy chiếc điện thoại Samsung cũ cho anh T mượn. Anh T tháo sim trong điện thoại và tắt nguồn máy đưa cho N nhằm mục đích để không thoát các tài khoản trong điện thoại nhưng N bật máy lên và yêu cầu anh T thoát các tài khoản. Sau đó N hỏi anh T xem còn bao nhiêu tiền trong ví, anh T bảo em còn mấy triệu thì N yêu cầu anh T đưa cho N thêm số tiền là 2.000.000 đồng. N cầm điện thoại của anh T và giấy vay nợ đi về, T cũng về theo, anh T hỏi C lấy lại chìa khoá xe máy và đi vào đơn vị. Ngày hôm sau N tiếp tục gọi điện yêu cầu anh T trả số tiền 20.000.000 đồng cho N để lấy lại điện thoại nếu không N sẽ mang điện thoại đi bán. Do vậy anh T đã gọi điện thoại về nhà cho mẹ là bà Trương Thị T để làm đơn trình báo đến Công an.

Sau khi sự việc xảy ra Nguyễn Văn N đã mang chiếc điện thoại của T cầm cố tại cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Văn T -sinh năm 1983 ở Thôn P, xã P, huyện M lấy số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 4/7/2021, N đã trả lại cho bà T1 và anh T giấy nhận nợ của anh T viết ngày 3/6/2021 và chiếc điện thoại di động Iphone XS Max của T. Chị Nguyễn Thị H là vợ của N đã trả lại bà T1 số tiền 7.000.000 đồng (bao gồm 1.000.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản 6.000.000 đồng) bà T1 sau đó đã huỷ giấy nhận nợ trên.

Việc N nhờ C tìm anh T để đòi tiền, N đã trả cho C số tiền là 1.000.000 đồng.

Ngày 5/11/2021, anh Nguyễn Xuân T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Đức chiếc điện thoại di động iphone XS Max có số máy 3D888LL/A, số seri F2LX8P8SKPHF màu vàng đã qua sử dụng dung lượng 64GB, mặt sau có vết dạn nứt kính.

Ngày 8/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Mỹ Đức ra yêu cầu định giá tài sản số 70, trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Mỹ Đức định giá đối với chiếc điện thoại đã nêu trên.

Ngày 02/12/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Mỹ Đức ra kết luận định giá tài sản số 69 đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone XS Max có số máy 3D888LL/A, số seri F2LX8P8SKPHF màu vàng đã qua sử dụng giá trị tại thời điểm là 9.500.000 đồng.

Ngày 6/12/2021, anh Nguyễn Xuân T có đơn xin lại tài sản đã giao nộp. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Đức đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc điện thoại di động Iphone XS Max đã qua sử dụng cho anh T.

Đối với chiếc điện thoại Samsung N đưa cho anh T, anh T đã trả lại cho N, N không có đề nghị gì.

Đối với khoản tiền 200.000.000 đồng N cho T vay năm 2019, quá trình điều tra chưa đủ căn cứ kết luận về hành vi “*cho vay nặng lãi*” nên không đề cập xem xét.

Đối với anh Nguyễn Văn T, khi cầm điện thoại của N và đưa cho N 10.000.000 đồng không biết đó là tài sản phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý đối với Tuấn là phù hợp.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo thừa nhận hành vi sự việc; lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ chứng minh đã được xác định trong quá trình điều tra vụ án, Riêng Nguyễn Văn N trình bày, sau khi đã chiếm đoạt được số tiền 7.000.000 đồng và 01 điện thoại (đã được định giá là 9.500.000 đồng) của anh Nguyễn Văn T còn yêu sách T viết giấy nhận nợ thêm 30.000.000 đồng nữa, tuy nhiên T đã tự ý viết lên tăng lên số tiền là 50.000.000 đồng.

Tại cáo trạng số 33/2022/KS-VKS- MD ngày 31/5/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Trọng C, Bạch Thế S, Nguyễn Hữu T tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 điều 170 BLHS với giá trị tài sản bị cưỡng đoạt là 46.500.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Bị cáo N và bị hại Nguyễn Xuân T có khai nhận: Ngày 19/02/2019 T có vay của N số tiền 200.000.000 đồng, Lãi suất hai bên thỏa thuận, vay có thời hạn, sau khi đến hạn T không trả được nên T có nói với mẹ mình là bà T1 trả nợ hộ, Bà T1 đã trả lại cho N số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 24/10/2019 và có lập giấy ghi giữa bà T1 và N nội dung đã thanh toán cho N xong xuôi không còn liên quan gì đến T nữa, nhưng đến khoảng tháng 7/2020 thì N và T có gặp lại nhau và hai bên có thỏa thuận món nợ của N cho T vay còn số tiền nợ lãi 70.000.000 đồng T chưa trả cho N (việc này bà T1 không biết). Sau đó hai người không gặp lại nhau do T đang công tác trong quân đội và nơi đóng quân ở xa nên N không đòi được nợ lãi đối với T.

Bị cáo C và N khai nhận: N có ở gần nhà với Nguyễn Trọng C và biết C là bạn cùng học, cùng chơi với T nên có nhờ C khi nào gặp lại T, C báo cho N biết để N đòi được nợ thì sẽ cho C 5.000.000 đồng, C nhất trí. Cho đến ngày 03/6/2021 C và T có hẹn gặp để T gửi tiền C trả hộ món nợ của mình cho anh Nguyễn Văn Anh ở thôn Kinh Đào, xã An Mỹ. Khi C gặp T thì C đã rủ T về nhà của Bạch Thế S, bạn của C ở gần nhà bị cáo N và nhớ ra việc N nhờ C nên C đã nhắn tin điện thoại cho N biết đến nhà Song để đòi nợ T. Khi N đến nhà T thì có rủ thêm Nguyễn Hữu T là người đang chơi bi a tại quán bi a nhà của N xuống nhà Song uống nước nên T đồng ý đi theo N.

Bị hại T tại phiên tòa đã thay đổi lời khai của mình, T khẳng định và khai lại nhiều lần tại phiên tòa là khi N xuống đòi nợ thì có mặt C, Song, và T ở đó nhưng không có sự đe dọa nào, không có sự bắt buộc hay uy hiếp T về việc viết giấy nhận nợ số tiền lãi 30.000.000 đồng T vay tiền mua xe máy và việc trả số tiền 7.000.000 đồng của T cho N. T thừa nhận lúc đầu T không muốn viết giấy nhận nợ vì hai bên đã có thỏa thuận miệng, T cũng không muốn trả tiền mặt cho N vì T đang trên đường trở về đơn vị nên cần có tiền đi đường để phòng thân, nhưng sau khi nghe N trình bày đang có hoàn cảnh khó khăn nên muốn T trả nợ cho một ít và muốn T viết giấy nợ làm tin nên T đã nhất trí vì thực sự T còn nợ N tiền lãi nên đã tự nguyện viết giấy nợ

và tự nguyện trả một phần tiền là 7.000.000 đồng, trong đó có 2.000.000 đồng tiền mặt và 5.000.000 đồng trong tài khoản của T chuyển vào tài khoản của N. Sau khi viết giấy nhận nợ và giao tiền cho N thì N yêu cầu T giao cả chiếc điện thoại cá nhân Iphone XS max của T cho N và cho T thời hạn 03 ngày nếu trả được nợ 20.000.000 đồng thì sẽ trả điện thoại cho T, bằng không thì sẽ trừ vào tiền nợ chiếc điện thoại tương ứng với 20.000.000 đồng. T không nhất trí vì đây là phương tiện dùng để liên lạc cá nhân hàng ngày của T nên T không đồng ý giao cho N, nhưng thấy N có Thái độ đe dọa không giao điện thoại cho N thì T không thể đi khỏi đây được. T nghe nói vậy thì lo sợ bị mượn giờ lên đơn vị, hơn nữa có nhiều người xung quanh ủng hộ N là Song, T và C (C nhấn tin báo cho cho N biết địa điểm T đang ở nhà Song để đến đòi nợ T, T cũng có những lời lẽ yêu cầu T trả nợ cho N, Song thì cho mượn nhà để các đối tượng đòi nợ và không có thái độ ngăn cản) nên T lo sợ không giao điện thoại cho N thì sẽ bị đánh hoặc bị giam giữ không đi lên đơn vị công tác của mình được, vì trước đó T đã bị C đánh vào mặt 02 quả đấm làm bị ngã xuống đất khi đang ngồi trên xe máy và đang bị C giữ chìa khóa xe máy) nên rất lo sợ, T cũng nói T nợ người ta lâu quá rồi thì nên trả người ta đi, Chính vì vậy mà T phải miễn cưỡng giao điện thoại của mình cho N ngoài mong muốn của mình vì nếu hết thời hạn 03 ngày mà không trả tiền thì điện Thoại được định giá là 20.000.000 đồng và sẽ bị trừ vào số nợ lãi của T đối với N.

Đối với T và C, Song đều thừa nhận không được N bàn bạc hay rủ rê cùng N đi đòi nợ T, Song không biết trước việc N đến nhà Song để đòi nợ T vì lúc đó Song đang đi đánh bi a thì C gọi về nhà và khi về nhà đã thấy C, T đang ở nhà mình, T đang đánh bi a bên nhà N nên cũng được N rủ sang nhà Song để uống nước nhưng không biết trước việc N đang đi đòi nợ T. Chỉ khi tất cả cùng ở đó chứng kiến toàn bộ sự việc thì đều khẳng định không có ai đe dọa hay đánh đập T khi T không có tiền trả cho N. Khi T khát nợ thì T mới nói: “ Ông nói thế tôi cũng không nghe được, nợ người ta lâu quá rồi mà không trả tiền cho người ta đi”. Tại phiên tòa: T, Song, C đều thừa nhận việc N buộc T phải giao điện thoại cho N để trừ nợ là vi phạm pháp luật vì T không đồng ý, không tự nguyện đưa điện thoại cho N nhưng cả 3 không có phản ứng khuyên can hay có chính kiến mà im lặng khiến cho T lầm tưởng các bị cáo này là đồng bọn của N nên sợ bị đánh đập, một mình T không thể chống đỡ được 4 người và T đã miễn cưỡng giao điện thoại cho N. Sau khi N lấy được tiền của T đã cho C 1.000.000 đồng, C đã ăn tiêu cá nhân hết.

Bị cáo N khai tiếp: Thừa nhận có ép T giao điện thoại cho N như T trình bày, sau khi cầm điện thoại của N để làm tin, hết 03 ngày và những ngày sau đó không thấy T đến trả nợ, do con của N bị ốm không có tiền đi khám bệnh và mua thuốc nên đã cầm điện Thoại của T đến nhà anh Nguyễn Văn T là bạn của N để làm tin và vay của anh Tuấn số tiền 10.000.000 đồng để đi khám bệnh cho con. N đã nhận ra hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật nên đã cùng với vợ là chị Nguyễn Thị H chuộc lại điện thoại để trả lại cho T. T đã có đơn xin giảm nhẹ và xin cho tất cả các bị cáo được hưởng án treo do các bị cáo không hiểu biết hết pháp luật đã phạm tội.

Các bị cáo C và T thừa nhận do không hiểu biết pháp luật nên đã phạm tội.

Bị cáo Song cho rằng bản thân không được bàn bạc, không được ăn chia lợi nhuận gì nên không phạm tội.

Đại diện viện kiểm sát vẫn giữ quan điểm truy tố với các bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu nhưng có thay đổi truy tố về định lượng giá trị tài sản các bị cáo cưỡng đoạt của anh T từ 46.500.000 đồng, chỉ còn truy tố hành vi phạm tội của N và đồng bọn đối với hành vi cưỡng đoạt tài sản là chiếc điện thoại Iphone XS max được định giá 9.500.000 đồng vì tại phiên tòa bị hại đã thay đổi, có lời khai khách quan không thừa nhận bị cưỡng ép việc viết giấy nhận nợ, không bị cưỡng ép trả số tiền 7.000.000 đồng nên không đủ căn cứ để truy tố N và đồng phạm đối với 02 hành vi này.

Đại diện VKS đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo cụ thể:

Nguyễn Văn N từ 15 -18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách gấp đôi.

Nguyễn Hữu T từ 12 -15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách gấp đôi.

Nguyễn Trọng C từ 12 -15 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam

Bạch Thế S từ 12 -15 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Về phần dân sự: Bị hại đã nhận lại số tiền 7.000.000 đồng và được trả lại giấy nhận nợ, trả lại 01 điện thoại và không có đề nghị gì thêm, người liên quan là anh Tuấn không yêu cầu đề nghị gì nên không xem xét.

Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

- Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Đức, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Kiểm sát viên đều hợp pháp: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng nên được coi là hợp pháp. Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát có thay đổi truy tố về định lượng giá trị cưỡng đoạt tài sản và hành vi cưỡng đoạt tài sản là do có tình tiết khách quan.

- Về việc xin vắng mặt tại các phiên tòa của Bị hại và người liên quan là Anh Nguyễn Văn T đều phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự nên được chấp nhận.

Về tội danh: Tại phiên tòa, bị hại và bị cáo đều thừa nhận N cùng đồng bọn có hành vi cưỡng đoạt tài sản của bị hại là chiếc điện thoại Iphone XS max, các hành vi

khác đã được bị hại thay đổi lời khai, thừa nhận không có hành vi đe dọa cưỡng đoạt ép buộc mà do bị hại tự nhận thức và tự nguyện viết giấy nhận nợ, tự nguyện bàn giao tiền mặt cho bị cáo N số tiền 7.000.000 đồng. Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa cũng đã thay đổi mức truy tố tổng số giá trị tài sản bị hại bị cưỡng đoạt từ 46.500.000 đồng xuống còn 9.500.000 đồng là có căn cứ, vì ngoài lời khai của các bị cáo và bị hại, trong hồ sơ không có tài liệu, chứng cứ buộc tội nào khác đối với các bị cáo. Như vậy đã có đủ cơ sở khẳng định Nguyễn Văn N đã có hành vi ép buộc người có tài sản, miễn cưỡng bàn giao tài sản trái với ý muốn của họ cho bị cáo trong tình trạng không tương quan về lực lượng, bị uy hiếp về tinh thần, nên có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn N phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản” áp dụng khoản 1 điều 170 BLHS.

Các bị cáo Song, C và T mặc dù không có mối quan hệ vay mượn với T nhưng lại có mặt khi N đang thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù không chứng minh được các bị cáo có sự bàn bạc, thống nhất từ trước với N nhưng các bị cáo cũng nhận thức được việc có mặt của các bị cáo ở đó làm cho T buộc phải giao điện thoại của mình cho N vì không ai có cử chỉ hành động can ngăn hay phủ nhận mặc dù biết hành vi này của N là sai trái, không được pháp luật cho phép, là thể hiện sự đồng tình với việc cưỡng đoạt tài sản của N với T, các bị cáo đã đến và đứng đó chứng kiến sự việc nhằm tiếp thêm sức mạnh về lực lượng, khiến cho bị hại nhìn thấy thực tế không tương quan về lực lượng mà khiếp sợ, lo sợ bị đánh đập, sợ bị giam giữ... nên đã bàn giao tài sản trái với ý muốn của mình. Hành vi của Song, C và T thể hiện sự mặc nhiên tiếp nhận ý chí giúp sức cho N thực hiện phạm tội từ đầu đến cuối. Đối với Song còn có thêm hành vi giúp sức cho mượn địa điểm là nhà của mình để cho bị cáo N phạm tội. Đối với C còn có hành vi giúp sức ngay từ đầu đó là bố trí địa điểm, báo cho N biết địa điểm của T để đến đòi nợ và được N cho C 1.000.000 đồng. Như vậy đã đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Nguyễn Trọng C, Bạch Thế S và bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản” với vai trò đồng phạm giúp sức cho N để chiếm đoạt tài là 01 chiếc Điện thoại Iphone XS Max trị giá là 9.500.000. Viện Kiểm sát đã truy tố các bị cáo với các tội danh: “Cưỡng đoạt tài sản” áp dụng khoản 1 điều 170 là hoàn toàn đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

Xét vai trò của các bị cáo: Bị cáo N là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò số 1 trong vụ án, bị cáo C có nhiều hành vi giúp sức và được chia lợi nhuận nên giữ vai trò thứ 2, Song và T tham gia giúp sức cho N ngang nhau nên giữ vai trò thứ yếu trong vụ án.

Xét tính chất, hành vi của bị cáo: Vụ án có tính nguy hiểm đã xâm hại đến khách thể là quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất ổn định trật tự tại địa phương nơi bị cáo gây án. Bản thân các bị cáo biết rất rõ hành vi Cưỡng đoạt tài sản là hành vi vi phạm pháp luật và bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc, quyền sở hữu tài sản của người khác là bất khả xâm phạm nhưng chỉ vì chút nợ nần cá nhân, không kìm chế được cảm xúc, các bị cáo đã bắt buộc bị hại phải miễn cưỡng bàn giao tài sản để chiếm đoạt trái với ý muốn của họ. Hành vi của các bị cáo là thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm

khắc phù hợp với tính chất vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo N xuất phát một phần là do thái độ nợ nần trong thời gian dài của bị hại không trả trong khi bị hại vẫn có khả năng trả nợ mà có thái độ lẩn tránh không tự nguyện trả dần nợ cho bị cáo dẫn đến việc vi phạm pháp luật của bị cáo N. Tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo đã nhận thức được việc làm của mình là trái pháp luật đã ăn ăn hối cải, xin lỗi bị hại đã tự nguyện hoàn trả lại các tài sản cho bị hại gồm điện thoại và cả số tiền 7.000.000 đồng cùng giấy nhận nợ. Bị hại cũng đã có nhận thức nguyên nhân phạm tội của N là do một phần T nợ quá lâu chưa trả, một phần phạm tội là do các bị cáo chưa nhận thức hết quy định của pháp luật. Tại phiên tòa vẫn một mực xin cho các bị cáo được hưởng án treo để được cải tạo tại địa phương cũng đủ sức răn đe giáo dục bị cáo trở T công dân sống có ích hơn cho xã hội. Giá trị tài sản các bị cáo cưỡng đoạt không lớn. Các bị cáo còn lại là đồng phạm giản đơn có hành vi giúp sức tạo ra sự chênh lệch, không tương quan về lực lượng, phạm tội một phần do thiếu hiểu biết pháp luật, HĐXX quyết định áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 điều 51 BLHS, để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo N phạm tội lần đầu, bị cáo T đã từng phạm tội năm 2011 nhưng trong thời gian dài đã chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước và của địa phương, giúp sức bị cáo N phạm tội do thiếu hiểu biết pháp luật, Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm và hứa không tái phạm. HĐXX đã chấp nhận đề nghị của đại diện VKS cho bị cáo N và T được cải tạo tại địa phương cũng đủ sức răn đe giáo dục bị cáo trở T công dân tốt và thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước đối với người biết ăn ăn hối cải.

Đối với bị cáo C và bị cáo Song phạm tội khi bản thân đang có vi phạm pháp luật, Song và C đều là đối tượng bắt buộc đi cai nghiện ma túy theo quyết định của Tòa án, Song còn có 01 tiền sự: Ngày 9/9/2021 bị Công an huyện Mỹ Đức xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. C còn nhân thân từng bị xử phạt vi phạm hành chính năm 2019 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Do vậy cần áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo này ra khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo T công dân tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với khoản tiền 200.000.000 đồng N cho T vay năm 2019, quá trình điều tra chưa đủ căn cứ kết luận về hành vi “*cho vay nặng lãi*” nên không truy cứu TNHS là đúng.

Đối với anh Nguyễn Văn T, khi cầm điện thoại của N và đưa cho N 10.000.000 đồng không biết đó là tài sản phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý đối với Tuấn là đúng pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người liên quan đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

quyết định

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Trọng C, Bạch Thế S và Nguyễn Hữu T phạm tội: **“Cưỡng đoạt tài sản”**

Áp dụng Khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, 2 điều 51, 65, Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 136 BLTTHS, Điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử phạt:

Nguyễn Văn N **18** (mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyễn Hữu T **12** (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng Khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, 2 điều 51, 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 136 BLTTHS, Điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử phạt:

Nguyễn Trọng C **13** (Mười ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 22/3/2022.

Bạch Thế S **12** (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Giao các bị cáo được hưởng án treo cho UBND xã, phường, thị trấn nơi các bị cáo đang cư trú và gia đình theo dõi giám sát các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp trong thời gian thử thách, bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc theo dõi giám sát được áp dụng theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án mới theo quy định tại điều 56 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người liên quan không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Trọng C, Bạch Thế S và Nguyễn Hữu T, mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xét xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự Mỹ Đức;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hồng